



Acalmin

Acalmin

Calci carbonat/Vitamin D3

750mg/200IU

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén

Đào quản: Nơi khô mát, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C.
Tiêu chuẩn: TCCS.
Để xa tầm tay trẻ em. Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng



Sản xuất tại:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAO KIM
KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội, Việt Nam

Acalmin

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén

750mg/200IU

Acalmin

Calci carbonat/Vitamin D3

Thành phần
Calci carbonat.....750 mg
Vitamin D3.....200 IU
Tà được vừa đủ.....1 viên
Chỉ định, chống chỉ định, liều dùng, cách dùng và các thông tin khác:
Xin xem tờ hướng dẫn sử dụng bên trong hộp thuốc.

SDK/Reg.No:

Số lô SX:
Ngày SX:
HD :



Số lô SX, hạn dùng được ép chìm trên vỉ

TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC ACALMIN

Để xa tầm tay trẻ em;

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng;

Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sỹ hoặc dược sỹ.

THÀNH PHẦN

Viên nén ACALMIN:

Thành phần hoạt chất:

Calci carbonat 750 mg

Vitamin D₃ 200 IU

Thành phần tá dược:

Manitol, microcrystalline cellulose 101, povidone K30, acid tartaric, tween 80, sucralose, magnesi stearat.

DẠNG BÀO CHẾ

Viên nén ACALMIN: Viên nén tròn, màu trắng, một mặt có gạch ngang, thành và cạnh viên lành lặn.

CHỈ ĐỊNH

BOCAMIN được chỉ định trong các trường hợp để phòng ngừa và điều trị bệnh loãng xương trên những bệnh nhân có nguy cơ thiếu hụt vitamin D và calci.

LIỀU DÙNG, CÁCH DÙNG

Liều dùng:

Người lớn và người cao tuổi, trẻ em trên 12 tuổi: 2 viên x 2 lần/ngày

Trẻ em dưới 12 tuổi: Không khuyến cáo sử dụng

Bệnh nhân suy gan: Không cần điều chỉnh liều cho bệnh nhân bị suy gan.

Bệnh nhân suy thận: Không dùng cho bệnh nhân suy thận nặng.

Cách dùng:

Thuốc được uống với một lượng nước vừa đủ.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Quá mẫn với calci hoặc vitamin D₃ hoặc bất kỳ thành phần nào của thuốc.

Trường hợp bị tăng calci máu hoặc tăng calci niệu.

Suy thận nặng (mức lọc cầu thận < 30 ml/phút).

Sỏi thận.

Bệnh nhân bị thừa vitamin D.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC

Trường hợp điều trị thời gian dài, cần theo dõi nồng độ calci huyết thanh. Đặc biệt đối với những bệnh nhân đang dùng các thuốc glycosid trợ tim hoặc thuốc lợi tiểu và bệnh nhân có nguy cơ hình thành sỏi cao. Khi có dấu hiệu tăng calci máu hoặc có dấu hiệu suy thận, cần giảm liều hoặc ngừng điều trị.

ACALMIN cần thận trọng khi dùng cho những bệnh nhân bị tăng calci máu hoặc có dấu hiệu suy thận và cần theo dõi nồng độ calci và phosphat. Cần xem xét về nguy cơ vôi hóa mô mềm. Những bệnh nhân bị suy thận nặng, vitamin D ở dạng coledalciferol không được chuyển hóa bình thường và cần sử dụng dạng vitamin D khác.

Khi điều trị kết hợp với các chế phẩm vitamin D liều cao, các thuốc hoặc các chất dinh dưỡng (như sữa) có chứa calci, làm tăng nguy cơ tăng calci máu và hội chứng sữa – kiềm và suy giảm chức năng thận. Vì vậy, những bệnh nhân này nên được theo dõi nồng độ calci huyết thanh và đánh giá chức năng thận.

BOCAMIN nên được dùng thận trọng trên những bệnh nhân bị bệnh u hạt (bệnh sarcoidosis) vì nguy cơ tăng chuyển hóa vitamin D₃ thành dạng hoạt tính. Những bệnh nhân này cần được theo dõi nồng độ calci trong huyết thanh và nước tiểu.

BOCAMIN nên được dùng thận trọng trên những bệnh nhân loãng xương bất động vì nguy cơ tăng calci huyết.

SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Phụ nữ có thai:

BOCAMIN có thể sử dụng trong thời kỳ mang thai với các trường hợp thiếu calci và vitamin D. Nhu cầu của phụ nữ mang thai không quá 2500 mg calci và 4000 IU vitamin D mỗi ngày. Các nghiên cứu trên động vật đã cho thấy các độc tính sinh sản khi sử dụng vitamin D liều cao. Phụ nữ có thai không nên dùng quá liều calci và vitamin D vì việc tăng calci huyết kéo dài có liên quan tới các tác dụng không mong muốn đối với sự phát triển của thai nhi. Ở liều điều trị, không có bằng chứng cho thấy vitamin D gây quái thai trên người.

Phụ nữ cho con bú:

BOCAMIN có thể sử dụng trong thời kỳ cho con bú. Calci và vitamin D₃ có thể qua được sữa mẹ. Vì vậy nên xem xét khi bổ sung vitamin D cho trẻ bú mẹ.

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC

BOCAMIN không ảnh hưởng tới khả năng lái xe và vận hành máy móc.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ CỦA THUỐC

Tương tác thuốc với các thuốc khác

Thuốc lợi tiểu thiazide có thể làm giảm sự bài tiết calci qua nước tiểu. Do tăng nguy cơ tăng calci huyết, nên thường xuyên theo dõi calci huyết thanh khi sử dụng đồng thời với thuốc lợi tiểu thiazid.

Calci cacbonat có thể cản trở sự hấp thu của các chế phẩm tetracyclin dùng đồng thời. Vì lý do này, các chế phẩm tetracyclin nên được dùng ít nhất 2 giờ trước hoặc 4 đến 6 giờ sau khi uống calci carbonat.

Tăng calci huyết có thể làm tăng độc tính của glycosid tim khi điều trị với calci và vitamin D. Bệnh nhân cần được theo dõi về điện tâm đồ (ECG) và nồng độ calci huyết thanh.

Hiệu quả của levothyroxin có thể bị giảm khi sử dụng đồng thời với calci, do giảm hấp thu levothyroxin. Việc sử dụng calci và levothyroxin nên cách nhau ít nhất 4 giờ.

Sự hấp thu của kháng sinh nhóm quinolon có thể bị suy giảm nếu dùng đồng thời với calci. Thuốc kháng sinh quinolon nên được uống 2 giờ trước hoặc 6 giờ sau khi bổ sung calci.

Nếu sử dụng đồng thời bisphosphonat, chế phẩm này nên được dùng ít nhất 1 giờ trước khi uống ACALMIN vì có thể giảm hấp thu qua đường tiêu hóa.

Muối calci có thể làm giảm sự hấp thu sắt, kẽm, stronti ranelat. Do đó, các chế phẩm này nên được dùng ít nhất 2 giờ trước hoặc sau khi dùng ACALMIN.

Điều trị bằng orlistat có thể làm giảm khả năng hấp thu các vitamin tan trong dầu ví dụ như vitamin D₃).

Tương kỵ của thuốc:

Do không có dữ liệu về tính tương kỵ của thuốc, không nên trộn lẫn thuốc này với thuốc khác.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Tác dụng không mong muốn được xếp theo các nhóm của tần số xuất hiện theo quy ước tần số MedDRA:

Rất phổ biến ($ADR \geq 1/10$); phổ biến ($1/10 > ADR \geq 1/100$); không phổ biến ($1/100 > ADR \geq 1/1.000$); hiếm gặp ($1/1.000 > ADR \geq 1/10.000$); rất hiếm gặp ($ADR < 1/10.000$); chưa rõ (không thể ước tính từ dữ liệu sẵn có).

- Rối loạn hệ thống miễn dịch

Chưa rõ: Phản ứng quá mẫn như phù mạch hoặc phù thanh quản.

- Rối loạn chuyển hóa và dinh dưỡng

Không phổ biến: Tăng calci huyết và tăng calci niệu.

Rất hiếm: Hội chứng kiềm sữa (thường xuyên đi tiểu; đau đầu liên tục; chán ăn liên tục; buồn nôn hoặc nôn; mệt mỏi hoặc suy nhược bất thường; tăng calci huyết, nhiễm kiềm và suy thận). Thường chỉ thấy trong trường hợp quá liều.

- Rối loạn tiêu hóa

Hiếm gặp: Táo bón, khó tiêu, đầy hơi, buồn nôn, đau bụng và tiêu chảy.

- Rối loạn da và dưới da

Hiếm: Ngứa, phát ban và mào đay.

Vitamin D₃

Hấp thu: Vitamin D được hấp thu dễ dàng ở ruột non.

Phân bố và chuyển hóa: Vitamin D₃ và các chất chuyển hóa của nó lưu hành trong máu gắn với một globulin cụ thể. Vitamin D₃ được chuyển hóa trong gan bằng cách hydroxyl hóa thành 25-hydroxycholecalciferol. Sau đó, nó tiếp tục được chuyển hóa trong thận thành dạng hoạt động 1,25-dihydroxycholecalciferol; 1,25-dihydroxycholecalciferol là chất chuyển hóa chịu trách nhiệm tăng hấp thu calci. Lượng vitamin D₃ không được chuyển hóa, được lưu trữ trong các mô mỡ và cơ.

Thải trừ: Vitamin D₃ được thải trừ qua phân và nước tiểu.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Hộp 3 vỉ x 10 viên, kèm theo tờ hướng dẫn sử dụng.

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN

Bảo quản: Nơi khô mát, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C.

HẠN DÙNG

Hạn dùng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Không sử dụng thuốc quá hạn ghi trên bao bì.

TIÊU CHUẨN

Tiêu chuẩn: TCCS.

SẢN XUẤT BỞI



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAO KIM

KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

TP Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY TNHH TM DP VÀ TBYT MINH QUÂN



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Cường